

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuê và bà Lại Thị Hồng Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2026/HSST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Đỗ Xuân T, sinh năm 1998 tại Ninh Bình; CCCD số: 035098001972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/01/2026, đến ngày 25/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đỗ Đình H, sinh năm 1990; trú tại: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn T2, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1990; trú tại: Tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau nên Đỗ Xuân T đã cho anh Đỗ Đình H vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 14/11/2025, anh H đến nhà T hỏi vay số tiền 23.000.000 đồng và cầm cố cho T chiếc xe mô tô Honda Vision, BKS 90AB- 158.76. T đồng ý và thoả thuận lãi suất cho vay 3.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất

4.347 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 158%/năm, gấp 7,9 lần mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự; cắt lãi trước 01 tháng số tiền 3.000.000 đồng; 01 tháng đóng lãi một lần đến khi trả tiền gốc. T yêu cầu anh H viết giấy bán chiếc xe mô tô Honda Vision, BKS 90AB- 158.76, trên giấy bán xe có ghi ngày bán và số tiền bán nhưng không ghi số tiền lãi phải trả. Sau đó, T giữ giấy bán xe và chiếc xe máy nêu trên để làm tin và sử dụng tài khoản số 19035664021012 mở tại ngân hàng T4 mang tên Đỗ Xuân T chuyển khoản vào tài khoản số 0961242263 mở tại ngân hàng TMCP Q của anh H số tiền 20.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/01/2026, anh H đã trả cho T tổng số tiền lãi đối với khoản vay này là 6.000.000 đồng, chưa trả số tiền gốc là 23.000.000 đồng.

Mức lãi cao nhất Đỗ Xuân T được hưởng đối với khoản mà anh H vay của T từ ngày 14/11/2025 đến ngày 16/01/2025 theo quy định là 781.370 đồng, số tiền T thu lợi bất chính theo thỏa thuận là 5.418.630 đồng, số tiền T thu lợi bất chính thực tế là 5.218.630 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 27/11/2025, anh Hoàng liên H2 với T muốn cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại xe Tucson, BKS 35A-617.33 để vay T số tiền 200.000.000 đồng. Do T không đủ tiền nên đã liên hệ với Bùi Văn T2 để T2 cho H vay tiền. T2 đồng ý, T2 và T thống nhất lãi suất khi cho vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, T được hưởng số tiền 5.000.000 đồng trên tổng số tiền lãi thu được.

Đến ngày 30/11/2025, anh H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, BKS 35A-617.33 đến nhà T thì T gọi điện cho T2 để T2 mang tiền đến nhà T cho anh H vay. Khi anh H đến thì T và anh H thỏa thuận nhận cầm cố chiếc xe ô tô Hyundai, loại xe Tucson, BKS 35A-617.33 với số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương ứng lãi suất 146%/ năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự; cắt lãi trước 01 tháng số tiền 24.000.000 đồng. Sau khi T và anh H thỏa thuận xong thì T2 đến nhà T, T thông báo với T2 về thỏa thuận lãi suất và số tiền vay như trên. T2 đồng ý và đưa anh H số tiền 150.000.000 đồng tiền mặt và sử dụng tài khoản số 2906205149218 mở tại ngân hàng A mang tên Bùi Văn T2 chuyển khoản số tiền 26.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của anh H. T2 không yêu cầu anh H viết giấy bán xe. Khi anh H về, T2 đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng là phần tiền T được hưởng theo thỏa thuận giữa T2 và T, sau đó T2 đưa thêm cho T số tiền 1.000.000 đồng nữa.

Đến ngày 30/12/2025, anh H chưa có tiền trả tiền gốc nên T và anh H thỏa thuận thu thêm 15 ngày lãi, tính từ ngày 31/12/2025 đến ngày 14/01/2026, với số tiền lãi là 11.000.000 đồng, tương đương lãi suất 3.667 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 134%/năm, gấp 6,7 lần mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự. Sau đó, anh H chuyển cho T số tiền 11.000.000 đồng qua hình thức giao dịch ngân hàng. Đối với khoản lãi này, T nói với T2 chỉ thu được số tiền lãi 8.000.000 đồng tương ứng thời gian 15 ngày với lãi suất 2.660 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng lãi suất 97,33%/năm, gấp 4,8 lần mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự), T xin T2 tiền công 2.000.000

đồng và đưa cho T2 số tiền 6.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt, T2 đồng ý.

Ngày 15/01/2026, anh H đã trả cho T số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, T đã trả cho anh H chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, BKS 35A-617.33. Khi nhận được số tiền 200.000.000 đồng thì T chuyển cho T2 số tiền 195.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, T giữ lại 5.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi cao nhất Đỗ Xuân T được hưởng đối với khoản vay này của anh H từ ngày 30/11/2025 đến ngày 16/01/2026 là 4.931.506 đồng, số tiền T thu lợi bất chính theo thoả thuận là 30.068.494 đồng; còn Bùi Văn T2 tính từ ngày 30/11/2025 đến ngày 30/12/2025 thì mức lãi cao nhất T2 được hưởng đối với khoản vay này là 3.287.671 đồng, số tiền T2 thu lợi bất chính theo thoả thuận là 20.712.329 đồng. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/01/2026, theo thoả thuận mới phát sinh giữa T và T2 thì mức lãi cao nhất T2 được hưởng đối với khoản vay này 1.643.835 đồng, số tiền T2 thu lợi bất chính theo thoả thuận là 6.356.165 đồng. Tổng số tiền T2 thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 27.068.494 đồng.

Đối với khoản vay này, tổng số tiền lãi thực tế anh H đã trả cho T và T2 là 35.000.000 đồng, trong đó: số tiền thực tế T đã được hưởng là 16.000.000 đồng, số tiền thực tế T2 đã được hưởng là 19.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi tối đa mà T2 và T được hưởng theo quy định là 4.931.506 đồng. Tính theo tỷ lệ số tiền lãi mà T và T2 đã thu về thì số tiền lãi cao nhất T được hưởng theo quy định là 2.254.403 đồng, số tiền lãi cao nhất T2 được hưởng theo quy định là 2.677.103 đồng. Số tiền lãi thực tế mà T đã thu lợi bất chính của anh H đối với khoản vay trên là 13.745.597 đồng. Số tiền lãi thực tế mà T2 đã thu lợi bất chính của anh H đối với khoản vay trên là 16.322.897 đồng.

Như vậy, đối với cả 02 khoản vay trên, tổng số tiền T thu lợi bất chính theo thoả thuận là 5.418.630 đồng + 30.068.494 đồng = 35.487.124 đồng.

Ngày 16/01/2026, anh Đỗ Đình H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (viết tắt là CSĐT) - Công an tỉnh N tố cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đỗ Xuân T và Bùi Văn T2.

Ngày 16/01/2026, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Xuân T tại thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

** Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ:*

- Đỗ Xuân T tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn xám, BKS: 90AB - 158.76; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Thu H1.

- Thu giữ của Bùi Văn T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 15, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N đã tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng của Đỗ Đình H, Đỗ Xuân T, Bùi Văn T2, nội dung sao kê phù hợp với các giao

dịch chuyển tiền vay và tiền lãi giữa Đỗ Xuân T, Bùi Văn T2 Đỗ Đình H như T khai nhận.

Tiến hành cho anh Đỗ Đình H nhận dạng Đỗ Xuân T và Bùi Văn T2, kết quả: Anh H nhận ra được T và T2 là người cho anh H vay với số tiền và lãi suất như nêu trên.

Kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại thu của Đỗ Xuân T, Bùi Văn T2: Phát hiện và trích xuất toàn bộ nội dung tin nhắn giữa tài khoản Facebook Messenger “Tuan Minh B” của Bùi Văn T2 và tài khoản Facebook M “Đỗ Toàn” của Đỗ Xuân T thể hiện nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi của T và T2 với anh H. Ngoài ra không phát hiện hành vi vi phạm nào khác.

Ngày 05/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N đã trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh N tiến hành giám định trích xuất, phục hồi dữ liệu có trong chiếc điện thoại di động tạm giữ của Đỗ Xuân T và Bùi Văn T2. Tại bản kết luận giám định số 1038/KL-KTHS ngày 11/03/2026 của Phòng K - Công an tỉnh N, kết luận:

“Phục hồi, trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định trong mẫu cần giám định cụ thể như sau:

1. Điện thoại nhãn hiệu Redmi 15

- Tin nhắn:

+ 1.088 (Một nghìn không trăm tám mươi tám) tin nhắn Facebook

+ 1.277 (Một nghìn hai trăm bảy mươi bảy) tin nhắn Facebook Messenger

+ 182 (Một trăm tám mươi hai) tin nhắn Messenger

+ 73.230 (Bảy mươi ba nghìn hai trăm ba mươi) tin nhắn Zalo

+ 78.334 (Bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn) ảnh.

+ Không phục hồi trích xuất được tin nhắn T3.

+ Không xác định được những dữ liệu trích xuất phục hồi được trong mẫu cần giám định có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hay không?

2. Điện thoại nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max

- Không phục hồi, trích xuất được dữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, M, tin nhắn Telegram trong mẫu cần giám định.

- Phục hồi trích xuất được 5.079 (Năm nghìn không trăm bảy mươi chín) ảnh trong mẫu cần giám định. Không xác định được những ảnh trên có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hay không?

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) USB lưu trữ tệp tin có tên: “Dữ liệu”, dung lượng 10313617 KB, mã MD5: 57E8AA5BB496672B3275BD005E3F34BD”.

Kết quả trích xuất dữ liệu được lưu trong 01 USB có chứa 10313617 KB dung lượng dữ liệu: không phát hiện dữ liệu liên quan đến hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” hay các hành vi vi phạm khác của Đỗ Xuân T và Bùi Văn T2.

Tại bản cáo trạng số 208/CT-VKS-KV5 ngày 16/4/2026, Viện kiểm sát

nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình truy tố Đỗ Xuân T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố Đỗ Xuân T như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 35 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, vỏ màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 15, vỏ màu bạc.

Trả lại cho chị Lê Thị Thu H1 01 chiếc xe mô tô BKS 90AB- 158.76 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Thu H1.

Buộc bị cáo Đỗ Xuân T phải thanh toán trả cho anh Đỗ Đình H số tiền 18.989.433 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với anh Đỗ Đình H số tiền 23.000.000 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Đỗ Xuân T số tiền 3.010.567 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với anh Bùi Văn T2 số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 2.677.103 đồng, tổng cộng là 202.677.103 đồng.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình đã truy tố. Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì. Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và quan điểm của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, các biên bản làm việc về nội dung khai thác dữ liệu điện thoại di động, bản sao kê tài khoản của Đỗ Xuân T, Bùi Văn T2 và Đỗ Đình H, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/11/2025 tại thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình, Đỗ Xuân T đã cho anh Đỗ Đình H vay số tiền 23.000.000 đồng, với lãi suất 4.347 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 158%/năm, gấp 7,9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính là 5.418.630 đồng. Số tiền T đã thu lợi bất chính thực tế là 5.243.836 đồng. Ngoài ra, từ ngày 30/11/2025 đến ngày 30/12/2025, T và Bùi Văn T2 thống nhất sử dụng số tiền 200.000.000 đồng của T2 để cho anh H vay, với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; từ ngày 31/12/2025 đến ngày 14/01/2026, T thỏa thuận cho anh H vay số tiền trên với lãi suất 3.667 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 134%/năm, gấp 6,7 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Đỗ Xuân T thu lợi bất chính của 02 khoản vay trên là 35.487.124 đồng; số tiền T2 thu lợi bất chính là 27.068.494 đồng. Hành vi nêu trên của Đỗ Xuân T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình truy tố đối với Đỗ Xuân T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì lợi nhuận bất chính thu được là cao (mức lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo dùng tiền của mình để cho vay, không có việc huy động tiền vốn từ người khác, nguồn sống chính của bị cáo không phụ thuộc vào việc cho vay lãi nặng nên bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Xét mục đích phạm tội của bị cáo là thu lợi bất chính, tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy hình phạt chính đối với bị cáo là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, vỏ màu vàng thu của Đỗ Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 15, vỏ màu bạc thu của Bùi Văn T2, quá trình điều tra xác định T và T2 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 90AB- 158.76 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Thu H1, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị H1. Ngày 12/11/2025, chị H1 cho anh Đỗ Đình H mượn để đi cầm cố vay tiền, chị H1 không được hưởng lợi gì từ việc này nên cần trả lại cho chị H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 23.000.000 đồng là tiền mà bị cáo Đỗ Xuân T cho anh Đỗ Đình H vay nhưng chưa trả. Đây là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu của anh Đỗ Đình H số tiền 23.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 18.989.433 đồng mà bị cáo Đỗ Xuân T thu lợi bất chính của anh Đỗ Đình H, bị cáo chưa bồi thường cho anh H nên cần buộc bị cáo phải trả cho anh H số tiền trên.

Đối với số tiền 3.010.567 đồng là tiền lãi mà Đỗ Xuân T được phép thu của anh Đỗ Đình H theo mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền trên.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng là tiền mà Bùi Văn T2 cho anh Đỗ Đình H vay, anh H đã trả số tiền này cho T2. Đây là tài sản của T2 sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu của Bùi Văn T2 số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 16.322.897 đồng là tiền mà Bùi Văn T2 thu lợi bất chính của anh Đỗ Đình H, quá trình điều tra T2 đã trả cho anh H, anh H không có yêu cầu đề nghị gì khác đối với T2 nên không xem xét.

Đối với số tiền 2.677.103 đồng là tiền lãi mà Bùi Văn T2 được phép thu của anh Đỗ Đình H theo mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền này.

[8] Về tình tiết khác:

Đối với Bùi Văn T2: Từ ngày 30/11/2025 đến ngày 14/01/2026, T2 đã cho anh H vay số tiền 200.000.000 đồng thu lợi bất chính số tiền 27.068.494 đồng. Bản thân T2 chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này nên hành vi của T2 không đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/3/2026, Phòng K - Công an tỉnh N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt 12.500.000 đồng đối với Bùi Văn T2 về hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT mà cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 35, 50, 47, 48 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí

Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2/ Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân T 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3/ Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, vỏ màu vàng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 15, vỏ màu bạc đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Lê Thị Thu H1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn xám, BKS 90AB - 158.76 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 90005581 mang tên Lê Thị Thu H1.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20/4/2026 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Ninh Bình).

4/ Biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Đỗ Xuân T phải thanh toán trả cho anh Đỗ Đình H số tiền 18.989.433đ, làm tròn thành 18.989.000đ (mười tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Đỗ Xuân T số tiền 3.010.567đ, làm tròn thành 3.010.000đ (ba triệu không trăm mười nghìn đồng).

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với anh Đỗ Đình H số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với anh Bùi Văn T2 số tiền 200.000.000đ và số tiền 2.677.103đ, tổng cộng là 202.677.103đ, làm tròn thành 202.677.000đ (hai trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5/ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Xuân T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- CQ CSĐT CA tỉnh Ninh Bình;
- CQ THAHS CA tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân